

PHẬT THUYẾT KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT SỐ

Sa-môn Thiện Đạo, đời Đường tập ký.

QUYỂN 4

Nghĩa Tán Thiện trong phần chánh tông.

Từ đây v.v... trở xuống, kể là giải thích về ý nghĩa môn tán thiện của ba bậc, y cứ vào nghĩa này, cũng có hai ý:

1. Dùng ba thứ phước làm chánh nhân.
2. Dùng chín phẩm làm chánh hạnh.

Ở đây nói về ba thứ phước.

Phước thứ nhất: tức là gốc lành của thế tục, xưa nay chưa nghe giáo Phật pháp chỉ tự hành hiếu dưỡng, nhân, nghĩa, lễ, trí và tín, nên gọi là điều thiện thế tục.

Phước thứ hai: Ở đây gọi là Giới thiện. Y theo giới này, thì có các giới Trời, Người, Thanh văn, Bồ-tát... trong các giới đó hoặc thọ toàn phần hoặc không toàn phần, hoặc tu trì toàn bộ, hoặc tu trì một phần nào đó. Nếu hồi hướng công đức đó thì cũng sẽ được vãng sinh.

Phước thứ ba: Gọi là hành thiện, đó là phát tâm Đại thừa. Người phàm phu cũng có thể tự tu hành, lại còn khuyến khích người khác bỏ ác giữ tâm, để hồi hướng vãng sinh Tịnh độ.

Lại y theo ba thứ phước này, hoặc có người chỉ thực hành phước thế gian, nếu hồi hướng công đức cũng được vãng sinh, hoặc có người chỉ tu hành giới phước, nếu hồi hướng công đức cũng được vãng sinh; hoặc có người chỉ tu hành hạnh phước, nếu hồi hướng công đức cũng được vãng sinh; hoặc có người tu hành hai thứ phước trên, nếu hồi hướng công đức cũng được vãng sinh; hoặc có người thực hành hai thứ phước dưới, nếu hồi hướng công đức cũng được vãng sinh; hoặc có người thực hành cả ba thứ phước trên, nếu hồi hướng công đức cũng được vãng sinh; hoặc có người không thực hành một thứ phước nào, thì người đó gọi là người mười ác tà kiến xiển-đề.

1. Y cứ vào văn quán hạnh trước của bậc thượng mà giải thích chung.

Có mười một đoạn:

1. Nói chung về dạy bảo.
2. Nói về quyết định vị trí.
3. Nêu chung các loài hữu duyên.
4. Phân định ba tâm để làm chánh nhân.
5. Phân biệt các căn cơ có khả năng hay không có khả năng.
6. Nói về thọ pháp khác nhau.
7. Nói về khi tu tập thời gian có dài ngắn khác nhau.
8. Nói về sự hồi hướng hạnh đã tu.
9. Khi qua đời các Thánh chúng đến đón rước, vãng sinh có nhanh chậm khác nhau.
10. Khi được vãng sinh rồi thì hoa nở nhanh, chậm khác nhau.
11. Sau khi hoa nở, được lợi ích cũng khác nhau.

Trên đây là mười một ý nghĩa, nếu đối chiếu với văn trong phần nói về chín phẩm thì trong mỗi phẩm đều có mười một điều này, tức là sẽ có đến một trăm ý nghĩa. Lại, mười một ý nghĩa trên đối với các vị thuộc bậc thượng thì văn trước giải thích cũng được, hoặc y cứ vào văn trước nói về bậc trung, hạ mà giải thích chung cũng được. Lại, nếu dùng văn để so sánh, thì sẽ có sự đầy đủ hoặc không đầy đủ, hoặc có ẩn có hiện, nếu y theo đạo lý, thì tất cả đều hòa hợp. Vì nhân duyên đó mà phải mở rộng hiển xuất giúp cho các hành giả dễ hiểu dễ biết. Trên đây có mười một môn khác nhau, phân biệt rộng ý nghĩa ba phẩm của bậc trên đã xong.

Dưới đây, trước y cứ vào thượng phẩm thượng sinh. Cũng trước là nêu, kế là giải thích, sau cùng là tổng kết. Có tất cả mười hai đoạn:

1. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống là nêu hai ý :
 - a. Nói về dạy bảo.
 - b. Xác định giai vị. Đây là hàng phàm phu tu tập thượng thiện của Đại thừa.
2. Từ nếu có chúng sinh v.v... trở xuống, cho đến liền được vãng sinh là nêu chung các loài được sinh. Đoạn này cũng có bốn ý:
 - Nói về người có lòng tin.
 - Nói về cầu nguyện vãng sinh.
 - Nói về phát tâm nhiều ít.
 - Nói về sự lợi ích được vãng sinh.
3. Từ ba thứ ấy là gì v.v... trở xuống, cho đến sẽ sinh về nước kia

là xác định ba tâm để làm chánh nhân, đoạn này cũng có hai:

Đức Thế tôn tùy căn cơ để hiển bày lợi ích, đây là mật ý rất khó hiểu, nếu không nhờ vào Đức Phật tự hỏi và tự Ngài chỉ bày thì không thể nào hiểu được.

Đức Như lai tự giải đáp về ba tâm ở trên.

4. Trong kinh chép: “Một là tâm chí thành.” Chí là chân, thành là thật. Đức Phật muốn nói về công hạnh tu tập ba nghiệp thân, miệng, ý của tất cả chúng sinh, tức là phải tu hành với tâm chí thành, hết sức chân thật, không được bên ngoài thì giả hiện hình tướng tinh tấn hiền thiện, mà bên trong lại có tâm luống dối đầy tham sân, tà ngụy, gian trá xảo quyệt, ác tánh hung dữ như rắn độc, tuy khởi ba nghiệp, cũng gọi là Thiện tạp độc, cũng gọi là hạnh luống dối, không thể gọi là nghiệp chân thật.

Nếu an tâm khởi hạnh như thế thì dù có dốc hết thân tâm cực khổ để tu hành, ngày đêm mười hai thời lúc nào cũng dốc lòng cố gắng, như lửa đang cháy đầu, thì đó cũng gọi là Thiện tạp độc. Dầu hồi hướng muốn hạnh tạp độc để cầu vãng sinh về Cực lạc cũng không thể nào được vãng sinh.

Vì sao? Vì lúc Đức Phật A-di-đà thực hành hạnh Bồ-tát, chỉ trong một niệm, một sát-na, sự tu tập của ba nghiệp, đều thực hành với tâm chân thật, do đó hẳn muốn khởi hạnh tu hành để mong cầu vãng sinh Cực lạc thì phải khởi tâm chân thật.

Lại, chân thật có hai loại:

1. Chân thật tự lợi.
2. Chân thật lợi tha.

Tự lợi chân thật cũng có hai loại:

a. Trong tâm chân thật, thường xả bỏ các điều ác của mình và người, xả bỏ luôn cả cõi nước uế trước, trong lúc đi đứng ngồi nằm tưởng đồng với Bồ-tát Thích-ca là xả bỏ các điều ác, ta cũng như thế.

b. Trong tâm chân thật, mình và người siêng tu các điều lành của phàm thánh. Tâm và miệng phải chân thật khen ngợi Đức Phật A-di-đà và Y báo, Chánh báo của Ngài. Lại, tâm và miệng phải chân thật, chán ghét ba cõi sáu đường, các khổ đau xấu ác, Y báo, Chánh báo của tự và tha và cũng khen ngợi tất cả chúng sinh ba nghiệp thực hành hạnh lành.

Đối với người không có nghiệp thiện, thì kính họ mà xa lánh họ và cũng không vui theo. Lại, thân và tâm phải chân thật, chấp tay lễ kính, cúng dường bốn thứ cần dùng lên Đức Phật A-di-đà và Y báo Chánh

báo của Ngài.

Lại, trong tâm chân thật, thân nghiệp coi nhẹ sự sinh tử trong ba cõi, để xả bỏ Y báo và Chánh báo của tự và tha. Lại, trong tâm chân thật thì ý nghiệp tư tưởng phải quán sát, nhớ nghĩ Đức Phật A-di-đà và Y báo, Chánh báo của Ngài dường như hiện đang ở trước mắt. Lại, trong tâm chân thật ý nghiệp xem thường chán bỏ ba cõi sinh tử, Y báo, Chánh báo của mình và người, ba nghiệp bất thiện, đều xả bỏ trong tâm chân thật. Lại, nếu muốn khởi ba nghiệp lành thì trong tâm phải phát khởi một cách chân chánh, bất kể trong ngoài, sáng tối đều phải chân thật, đó gọi là tâm chí thành.

Nói thâm tâm, tức là tâm tin sâu sắc, cũng có hai thứ thâm tâm.

a. Quyết định tin sâu tự thân của mình hiện là phạm phu tội ác sinh tử đã nhiều kiếp đến nay đắm chìm trong sinh tử, chưa có nhân duyên ra khỏi.

b. Quyết định tin sâu bốn mươi tám lời nguyện của Đức Phật A-di-đà nhiếp thọ chúng sinh, không nghi ngờ, không lo lắng, nhờ vào nguyện lực của Ngài thì chắc chắn sẽ được vãng sinh.

Lại, phải quyết định tin sâu. Quán kinh này là do Đức Phật Thích-ca nói. Ba thứ phước, chín phẩm, định thiện và tán thiện là để chứng minh khen ngợi Y báo và Chánh báo của Đức Phật A-di-đà, khiến mọi người ưa thích.

Lại, quyết tâm tin sâu Chư Phật nhiều như cát sông Hằng trong mười phương nói trong kinh Di-đà, đã chứng minh và khuyến khích tất cả phạm phu chắc chắn được vãng sinh.

Lại, tin sâu, kính mong tất cả hành giả nhất tâm chỉ tin tưởng lời Phật, không tiếc thân mạng, quyết định y theo đó tu hành, những gì mà Đức Phật dạy xả bỏ thì xả bỏ, những gì Đức Phật dạy tu hành thì tu hành. Đức Phật dạy nơi vãng sinh về thì vãng sinh về đó gọi là thuận theo lời Phật dạy. Thuận theo ý Phật, đó là thuận theo nguyện Phật, đó gọi là đệ tử Phật chân chánh. Lại, tất cả hành giả nếu y theo kinh này tin sâu thực hành, tức là một chúng sinh không còn sai lầm. Vì sao? Vì Đức Phật là Đấng đầy đủ tấm lòng đại Bi và là một đấng nói lời chân thật.

Ngoài Đức Phật ra, thì các vị khác do trí và hạnh chưa được viên mãn, còn ở học địa, quả nguyện chưa viên thành, các vị Phạm, Thánh này đều có suy đoán về ý nghĩa lời Phật dạy cũng chưa thể nào hiểu biết thấu suốt, dù có bàn luận, cũng phải thỉnh cầu Đức Phật vì mình mà chứng tri quyết định. Nếu đúng với ý Phật, thì Phật ấn khả và nói

rằng, đúng vậy, đúng vậy. Nếu không đúng ý Phật dạy, thì Đức Phật sẽ nói ý của các vị nói là không đúng. Đức Phật không ấn chứng, đồng với những lời nói vô ký không có lợi ích. Nếu Đức Phật ấn khả, thì phải vâng theo chánh giáo của Phật.

Nếu Phật dạy lời gì, thì đó chính là giáo, chánh nghĩa, chánh hạnh, chánh giải, chánh nghiệp, chánh trí, dầu nhiều hay ít, chúng sinh không cần phải hỏi các vị Bồ-tát, Trời, Người... để quyết định là đúng hay sai. Nếu Đức Phật đã nói điều gì, thì đó là liễu giáo. Các vị Bồ-tát có nói pháp gì đi nữa cũng hoàn toàn chẳng phải là liễu giáo, nên phải biết như vậy, do đó hôm nay kính khuyên tất cả các vị nào có được nhân duyên vãng sinh thì chỉ tin chắc vào lời Phật dạy, để chuyên chú vâng theo thực hành, không thể tin theo các Bồ-tát... vì đó là lời dạy bất tương ưng cho là nghi ngờ sẽ dễ bị mê hoặc, rồi đánh mất lợi ích lớn của sự vãng sinh.

Lại, người có thâm tâm tin sâu, thì phải quyết định kiến lập tự tâm, thuận theo giáo pháp tu hành, để dứt bỏ hẳn sự nghi lầm sai trái, đừng vì tất cả các biệt giáo, biệt hạnh, hay các học thuyết khác, hoặc các dị kiến, dị chấp làm cho mình động tâm mà lui sụt.

Hỏi: Phạm phu trí tuệ cạn cợt, hoặc chướng sâu dày, nếu gặp người có giải hạnh khác mình, dẫn chứng nhiều kinh luận để bắt bẻ, chứng minh rằng: “Tất cả phạm phu tội chướng không được vãng sinh, vậy phải làm sao để đối trị với lời bắt bẻ đó, để thành tựu được tín tâm, quyết định thẳng tiến, không sinh tâm lui sụt.”

Đáp: Nếu có người dẫn chứng nhiều kinh luận nói các phạm phu tội lỗi không được vãng sinh, thì hành giả liền đáp rằng: “Này nhân giả! Tuy ngài đã dẫn chứng nhiều kinh luận để chứng minh rằng, không được vãng sinh, nhưng ý tôi thì chắc chắn không ngài đả phá.” Vì sao? Vì chẳng phải tôi không tin các kinh luận, tất cả kinh luận tôi đều kính tin, nhưng khi Đức Phật nói kinh thì có xứ khác, thời khác, đối cơ khác và lợi ích cũng khác.

Lại, khi Đức Phật nói kinh đó, tức là không phải lúc mà Đức Phật nói kinh Di-đà hoặc Quán kinh. Phật nói giáo trùm khắp các căn cơ, thời gian cũng khác nhau. Đức Phật liền nói chung về giải hạnh của trời, người, Bồ-tát. Ở đây Ngài nói “Quán kinh”, định thiện và tán thiện, Ngài vì Vy-đề-hy và tất cả các phạm phu sống trong cõi đời năm thứ vẫn đục, năm thứ khổ sau khi Phật diệt độ mà làm chứng và nói sẽ được vãng sinh. Vì nhân duyên đó, mà hôm nay tôi nhất tâm y vào lời dạy của Phật, quyết định vâng làm. Dù có cả trăm ngàn muôn muôn

ức luận chứng minh phàm phu không được vãng sinh, thì cũng chỉ làm tăng thêm tín tâm vững chắc của tôi mà thôi.

Lại, hành giả cũng nói với người đó rằng:

Ông hãy lắng nghe! Nay tôi vì ông lại nói về sự quyết định kính tin của tôi, dầu có các vị Bồ-tát Địa Tiên, La-hán hay Bích-chi-phật, hoặc một hoặc nhiều vị, thậm chí khắp cả các thế giới trong mười phương, đều dẫn kinh luận để chứng minh phàm phu không được vãng sinh, tôi cũng không khởi một niệm tâm si, mà chỉ làm lớn mạnh thêm tín tâm thanh tịnh của tôi mà thôi. Vì sao? Vì Đức Phật nói ra lời nào thì đó chính là những lời quyết định liễu nghĩa, bất cứ ai cũng không phá hoại được.

Lại, hành giả cũng nên lắng nghe! Dầu có các bậc Sơ địa trở lên, hoặc Thập địa v.v... trở xuống, hoặc một hoặc nhiều vị, cho đến khắp cả mười phương, khác miệng đồng lời đều nói rằng: “Đức Phật Thích-ca chỉ khen ngợi Đức Di-đà và chê bai ba cõi, sáu đường, mục đích là để khuyến khích chúng sinh nên chuyên tâm Niệm Phật và tu các điều lành khác, sau khi qua đời chắc chắn vãng sinh về thế giới Cực lạc, thì đó là lời nói luống dối, không đáng tin.” Tôi dù có nghe nói những lời như thế, cũng không sinh một niệm tâm si, mà chỉ làm lớn mạnh thêm quyết định tín tâm của tôi, vì sao? Vì đó là lời nói liễu nghĩa chân thật quyết định của Đức Phật. Vì Ngài đã thật hiểu, thật kiến, thật chứng, không phải từ trong tâm si hoặc mà nói ra. Lại không bị dị kiến, dị giải của tất cả các Bồ-tát phá hoại, nếu thật là Bồ-tát, thì không trái lời Phật dạy.

Lại đối với việc này hành giả nên biết, dù cho có hóa Phật báo Phật, một vị hay nhiều vị, cho đến cùng khắp mười phương, mỗi vị đều phát ra ánh sáng từ miệng bao trùm cả mười phương, mỗi vị đều nói lời thuyết giáo của Đức Thích-ca là chỉ khen ngợi, khuyến khích tất cả các phàm phu chuyên tâm Niệm Phật và tu các điều lành khác, hồi hướng nguyện cầu được vãng sinh về Tịnh độ kia, đó là luống dối, chắc chắn không có việc đó. Tôi tuy có nghe Chư Phật này nói như vậy thì cũng hoàn toàn không khởi một niệm tâm si lui sụt, sợ không được vãng sinh về Cực lạc, vì sao? Vì một Đức Phật là tất cả Đức Phật. Các Ngài đều có tri kiến, hạnh giải, chứng ngộ, quả vị và tâm đại Bi như nhau, không có chút gì khác nhau, do đó mà điều gì một Đức Phật đã chế ra, thì tất cả các Đức Phật khác đều chế ra. Cũng ví như Đức Phật trước chế không được gây ra các tội lỗi như sát sinh, mười điều ác... nếu người nào không phạm thì gọi là mười thiện, mười hạnh, nghĩa là người đó đã thuận theo

sáu độ, dầu sau này có Đức Phật ra đời, cũng không thể sửa đổi mười điều lành này, mà bảo thực hành mười điều ác? Dùng đạo lý này để suy nghiệm, thì biết được ngôn hạnh của Chư Phật không bao giờ trái ngược nhau, dù cho hôm nay Đức Thích-ca khuyến khích tất cả các phàm phu, suốt đời chuyên tâm Niệm Phật và chuyên tu hành, sau khi qua đời, chắc chắn sẽ được vãng sinh về Cực lạc thì Chư Phật mười phương cũng đồng khen ngợi, đồng khuyến khích, đồng chứng minh. Vì sao? Vì các Ngài là đồng thể đại Bi.

Một Đức Phật giáo hóa, tức là tất cả Đức Phật giáo hóa, tất cả các Đức Phật giáo hóa tức là một Đức Phật giáo hóa. Tức trong kinh Di-đà nói Phật Thích-ca khen ngợi các thứ trang nghiêm ở thế giới Cực lạc. Lại khuyên tất cả các phàm phu từ một ngày cho đến bảy ngày chuyên tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, thì chắc chắn sẽ được vãng sinh. Văn dưới đây cũng nói rằng: “Trong mười phương có đến vô lượng Chư Phật đều khen ngợi đức Thích-ca ở trong cõi đời có năm thứ vẫn đục, trong thế giới xấu ác, chúng sinh ác, kiến ác, phiền não ác, tà ác, không có lòng tin, lại có thể khen ngợi danh hiệu Phật A-di-đà, khuyến khích chúng sinh xưng niệm sẽ được vãng sinh, do đó mà các Ngài đều đứng ra chứng minh cho điều đó.

Lại, Chư Phật trong mười phương sợ rằng chúng sinh không tin lời Phật Thích-ca nói, nên các Ngài cùng nhau đồng tâm, đồng lúc, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới. Nói những lời chân thật rằng: “Chúng sinh các vị nên tin tưởng những lời mà Đức Thích-ca đã nói, đã khen ngợi, đã chứng minh, tất cả các phàm phu bất luận là có tội phước nhiều ít, bất kể thời gian xa gần, nhiều nhất là một trăm năm, ít nhất là một ngày cho đến bảy ngày, nếu nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, thì chắc chắn sẽ được vãng sinh, không có gì nghi ngờ. Do đó chỉ một Đức Phật nói thì tất cả Chư Phật đều chứng minh thành tựu việc ấy. Đây gọi là y cứ vào người mà lập tín.

Kế là y cứ vào hạnh mà lập tín. Nhưng hạnh có hai thứ:

1. Chánh hạnh.
2. Tạp hạnh.

Chánh hạnh là chuyên y theo kinh Vãng Sinh để thực hành các hạnh, đó gọi chính là hạnh. Vì sao? Vì người nhất tâm chuyên tụng đọc “Quán kinh”, “Kinh Di-đà”, “Kinh Vô Lượng Thọ”... phải nhất tâm chuyên chú suy xét, quán sát, nhớ nghĩ Y báo, Chánh báo trang nghiêm của cõi Cực lạc. Nếu muốn lễ bái, thì phải nhất tâm lễ bái Đức Phật A-di-đà, nếu xưng niệm thì phải nhất tâm xưng niệm Đức Phật A-di-đà,

nếu khen ngợi cúng dường thì nhất tâm khen ngợi cúng dường Đức Phật A-di-đà, đó gọi chính là hạnh.

Lại, trong phần chánh hạnh này cũng có hai thứ:

a. Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, đi đứng ngồi nằm bất luận lâu mau, thời gian, trong mỗi niệm không bao giờ quên bỏ, đó gọi là nghiệp chánh định. Vì thuận theo nguyện của Phật A-di-đà. Nếu y theo lễ tụng... thì gọi là trợ nghiệp, ngoài hai hạnh chánh nghiệp và trợ nghiệp, tự mình thực hành các điều lành khác thì gọi là tạp hạnh, nếu tu cả chánh chạnh và trợ hạnh trên, thì tâm phải thường gần gũi nhớ nghĩ không xen hở, đó gọi là vô gián. Nếu thực hành tạp hạnh ở sau thì tâm thường bị xen hở, tuy hồi hướng cũng được vãng sinh, nhưng đó gọi là hạnh sơ tạp, do đó mà gọi là thâm tâm.

b. Tâm hồi hướng phát nguyện tức là tâm hồi hướng phát nguyện là từ trước đến nay thân miệng ý nghiệp đã tu theo thế gian và xuất thế gian, đã vui theo tất cả các Phàm thánh khác, gốc lành thế gian và xuất thế gian mà thân miệng ý nghiệp đã tu và gốc lành mà mình và người khác đã tu đều dùng tâm chân thật tin sâu mà hồi hướng, nguyện vãng sinh về Tịnh độ, đó gọi là tâm hồi hướng phát nguyện. Lại, hồi hướng phát nguyện, nguyện vãng sinh thì phải dùng tâm quyết định chân thật hồi hướng nguyện được vãng sinh. Tâm tin sâu này, phải giống như kim cương, không bị tất cả dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành nhân nào làm loạn động, phá hoại, chỉ quyết định nhất tâm, nhắm thẳng mà tu tiến, không được nghe người khác nói, vì nghe họ nói thì sẽ bị lui sụt, sinh tâm yếu hèn, rồi sự tu học sẽ bị lạc lối, đánh mất lợi ích lớn của sự vãng sinh.

Hỏi: Nếu có người giải hạnh khác nhau, có người tà hạnh v.v... đến mê hoặc loạn tưởng, hoặc nói các thứ nghi nạn, nói phàm phu không được vãng sinh, hoặc nói chúng sinh các vị từ nhiều kiếp đến nay và ba nghiệp thân miệng ý trong đời này đối với tất cả Phàm thánh đã gây ra các tội lỗi như năm tội nghịch, bốn tội trọng, chê bai giáo pháp, tội xiển-đề phá giới, pháp kiến... chưa thể trừ hết, do các tội đã gây ra đó nó đã ràng buộc cho các vị phải trôi lăn trong ba cõi sáu đường, làm sao chỉ một đời tu tập phước đức Niệm Phật mà được nhập vào cõi nước vô sinh vô lậu, mãi mãi chứng được địa vị không lui sụt ư thì làm sao?

Đáp: Giáo hạnh của Chư Phật nhiều hơn cát bụi, tùy theo cơ duyên của chúng sinh, tùy tình cảnh phải một. Ví như đôi mắt của người thế gian có thể thấy, có thể tin. Ví như ánh sáng có công năng xua tan tối tăm, không gian có khả năng chứa đựng cả muôn vật, đất có khả năng

chuyên chở nuôi dưỡng, nước sinh ra ướt, lửa có công năng thiêu hoại. Các việc như thế, tất cả đều gọi là pháp đối đãi, tức con mắt có thể thấy được, ngàn muôn sai khác hướng chi pháp của Phật có năng lực không thể sánh bằng. Há không có các thứ lợi ích hay sao?

Hễ chúng ta ra khỏi bất cứ một cửa nào, thì đã ra khỏi cửa phiền não, hễ chúng ta vào bất cứ cửa nào, thì đã vào cửa trí tuệ giải thoát. Vì đây là tùy duyên khởi hạnh, mỗi người phải tự cầu giải thoát. Thế sao ông lại dùng yếu hạnh không có nhân duyên làm chướng hoặc cho tôi? Những điều tôi yêu thích tức là hạnh hữu duyên của tôi, không phải sự mong cầu của ông. Sở cầu của ông tức là hạnh hữu duyên của ông, cũng không phải là điều mà tôi mong cầu, do đó tùy theo sở thích của mỗi người mà tu hạnh ấy để mau được giải thoát. Hành giả nên biết, nếu muốn học hiểu, từ phàm đến Thánh, cho đến quả Phật, tất cả vô ngại, đều được học. Nếu người muốn học hạnh, thì phải nhờ vào pháp hữu duyên, dụng công thì ít mà được lợi ích thì nhiều. Lại thưa với các vị tu cầu vãng sinh, nay lại vì hành giả mà nói một ví dụ, để gìn giữ tín tâm, ngăn ngừa các nạn ngoại tà dị kiến, ví dụ đó là gì? Thí như có một người muốn đi về hướng Tây một ngàn dặm, bỗng giữa đường gặp hai dòng sông, một là sông lửa ở hướng Nam, hai là sông nước ở hướng Bắc. Hai sông rộng khoảng một trăm bước, nhưng sâu vô đáy, chiều dài thì vô tận. Giữa hai dòng lửa và nước này lại có một con đường trắng, rộng khoảng bốn, năm tấc, con đường này dẫn từ bờ Đông đến bờ Tây, cũng dài khoảng một trăm bước, sóng của nước lan qua làm ướt con đường, lửa cũng lan đến thiêu đốt con đường, nước lửa giao nhau không lúc nào ngừng nghỉ. Người này đã đến được chỗ trống rộng rãi, không có người hay vật gì. Lúc đó có nhiều giặc cướp và thú dữ thấy người đó đơn độc, nên sinh tâm muốn giết hại. Người này sợ chết, chạy thẳng về hướng Tây bỗng thấy con sông lớn, liền nghĩ rằng: “Con sông nay từ Nam chí Bắc không thấy bờ mé, giữa sông có một con đường trắng, rất nhỏ hẹp, hai bờ cách nhau tuy gần nhưng làm sao đi được?” Hôm nay chắc chắn là chết thôi. Định trở về, thì bọn giặc và thú dữ lần lượt đến ép ngặt. Lúc muốn chạy trốn về phương Nam hoặc phương Bắc thì toàn là thú dữ và độc trùng tranh nhau chạy đến chỗ mình, lại muốn hướng về phương Tây tìm đường đi, thì lại sợ rơi vào hai con sông nước và lửa, đến lúc đó nỗi sợ sệt không thể tả xiết, liền tự nghĩ: “Nay ta trở lại cũng chết, ở đây cũng chết, đi cũng chết, không thể nào thoát chết được, ta nên đi theo đường này đi về trước, đã có con đường này, thì sẽ vượt qua được.” Lúc nghĩ như thế, ở bên bờ phía Đông chợt nghe lời khuyên

rằng: “Nhân giả! Nên quyết định tìm và đi theo con đường này, thì sẽ thoát được cái chết, nếu ở lại thì sẽ chết.” Lại, bên bờ phía Tây cũng có người nói rằng: “Người nên nhất tâm chánh niệm mà đến đây, ta sẽ che chở cho người, không sợ rơi vào nạn nước lửa.”

Người này nghe được lời kêu gọi đó, thì liền tự trấn tĩnh thân tâm, quyết tâm tìm đường mà thẳng tiến, không sinh tâm khiếp sợ lui sụt, hoặc đi một phần, hai phần đường, thì bên bờ phía Đông các bọn giặc lại réo gọi: “Nhân giả hãy trở lại đây! Con đường đó nguy hiểm không thể đi qua được, nếu đi qua thì sẽ bị chết ngay. Chúng tôi là những người không có tâm ác đối với nhân giả.” Người đó tuy nghe lời nói ấy nhưng không hề ngoảnh lại, mà chỉ nhất tâm tiến thẳng, nhớ đường mà đi. Chỉ chốc lát sau đã đến bờ Tây, đã thoát hẳn tai nạn, được gặp các bạn lành, vui vẻ vô cùng.

“Bờ Đông” là dụ cho nhà lửa Ta-bà. “Bờ Tây” dụ cho thế giới Cực lạc. Nói “Bọn cướp, thú dữ giả hiện làm người thân là chỉ cho sáu căn, sáu thức, sáu trần, năm ấm, bốn đại của chúng sinh. Nói không người không hồi trạch là dụ cho thường theo bọn ác, không gặp được thiện tri thức chân chánh. Nói hai sông nước lửa là dụ cho tham ái của chúng sinh như nước. Còn sân hận, ganh ghét của chúng sinh như lửa, còn tâm lành của chúng sinh thì dụ như con đường trắng ở giữa hai dòng sông.

Lại, sóng nước thường làm ướt con đường, tức là dụ cho tâm ái thường khởi làm nhiễm ô tâm lành; lửa thường thiêu đốt con đường là dụ cho tâm sân hận, ganh ghét, có công năng thiêu đốt các pháp tài công đức. Nói người tu hành đang trên đường đi về hướng Tây là dụ cho các hành nghiệp hướng thẳng về Tây phương. Nói bên bờ Đông nghe tiếng người khuyên, hãy tìm đường và thẳng về hướng Tây là dụ cho Đức Thích-ca đã diệt độ rồi, người đời sau không thể thấy Ngài nữa, nhưng giáo pháp của Ngài đang còn có thể tìm được, giáo pháp đó là dụ cho lời kêu gọi tìm đường. Nói hoặc đi một phần, hai phần, các bọn giặc réo gọi là dụ cho biệt giải, biệt hạnh, người ác kiến v.v... nói dối về kiến giải, làm mê hoặc rối loạn lẫn nhau và tự mình gây ra tội ác và bị lui sụt.

Nói bên bờ Tây có người đang kêu gọi là dụ cho ý nguyện của Đức Phật A-di-đà. Nói chốc lát đã đến bờ Tây, gặp các bạn lành vui vẻ, tức là dụ cho chúng sinh lâu nay đã bị đắm chìm trong sinh tử, đã nhiều kiếp luân hồi, đã mê lầm điên đảo, tự mình ràng buộc, không nhờ đâu để được giải thoát, nay được Đức Thích-ca chỉ dạy hướng về

Tây phương, lại phải nhờ vào tâm đại Từ bi của ngài Di-đà kêu gọi. Hôm nay đã tin tưởng và thuận theo ý nguyện của hai Đức Phật, không ngoảnh lại hai dòng sông nước và lửa đỏ, niệm niệm không dời đổi, nhờ vào nguyện lực của Đức Phật A-di-đà, sau khi qua đời, được vãng sinh về Cực lạc, được thấy Đức Phật, vui thích nào bằng.

Lại, tất cả các hành giả, đi đứng ngồi nằm, hạnh tu của ba nghiệp, bất kể ngày đêm, thời gian, thường hiểu như thế, thường tưởng niệm như thế, đó gọi là tâm hồi hướng phát nguyện.

Lại nói hồi hướng, tức là sau khi được vãng sinh, lại khởi tâm đại Bi, trở lại cõi sinh tử để giáo hóa chúng sinh, cũng gọi là hồi hướng. Ba tâm đã đầy đủ, chẳng có hạnh nào không thành tựu. Nguyện và hạnh đã thành tựu, nếu người đó không được vãng sinh, thì không bao giờ có việc đó. Lại, ba tâm này cũng nhiếp chung ý nghĩa định, thiện, nên biết như thế.

5. Từ lại có ba thứ chúng sinh v.v... trở xuống, là phân biệt căn cơ nào có khả năng vãng giữ giáo pháp, y theo giáo pháp tu hành.

6. Từ ba tâm ấy là gì v.v... trở xuống, cho đến sáu niệm là phần nói về người thọ pháp khác nhau: đoạn này cũng có ba ý:

a. Từ tâm không sát sinh, nhưng nghiệp sát có nhiều thứ, hoặc có khi khẩu sát, hoặc có khi thân sát, hoặc có khi tâm sát. Nói khẩu sát là xử phân cho phép, gọi là khẩu sát. Nói thân sát là do động tay, động thân chỉ trao, gọi là thân sát. Nói tâm sát là do sự suy nghĩ tìm cách, tính toán... đó gọi là tâm sát. Nếu nói về nghiệp sát thì tất cả bốn loài chúng sinh đều có thể gây ra tội ác, làm chướng ngại vãng sinh Tịnh độ. Nhưng đối với tất cả các sinh mạng nếu mình khởi tâm từ, tức là đã bố thí cho tất cả chúng sinh mạng sống an vui, cũng là giới thặng diệu tối thượng. Đây tức là hợp với câu thứ ba nói từ tâm bất sát của thứ phước đầu tiên. Tức là có chỉ thiện và hạnh thiện, tự mình không sát sinh, thì gọi là chỉ thiện, còn dạy người khác không sát sinh thì gọi là hành thiện, tự và tha mới dứt thì gọi là chỉ thiện. Nếu mình đã hoàn toàn dứt trừ hẳn thì gọi là hành thiện. Tuy có chỉ thiện, hành thiện, mà tổng kết thành hạnh từ hạ.

Nói đủ các giới hạnh là nếu y theo căn khí của hai thừa trời, người thì chỉ gọi là tiểu giới. Nếu y theo người có đại tâm đại hạnh, thì gọi là giới Bồ-tát. Còn giới này nếu y cứ theo địa vị thì phải từ ba vị của bậc thượng trở lên, tức gọi là giới Bồ-tát. Nhưng vì dựa vào địa vị của con người mà phân định, cho nên tự nhiên chuyển thành, tức là hợp với gốc lành giới phần thuộc loại phước thứ ba ở trên.

b. Nói về người đọc tụng Đại thừa, ở đây nói tánh huân tập của chúng sinh khác nhau, sự chấp pháp của mỗi chúng sinh cũng có khác, người thứ nhất ở trước chỉ có khả năng tu từ và giữ giới, kể là hạng người thứ hai chỉ có khả năng đọc tụng kinh điển Đại thừa, nhưng giới thì có thể giữ giới của năm thừa, căn cơ của ba Phật. Còn Pháp là đã huân tập thành tựu trí tuệ của Ba hiền mười địa, đầy đủ muôn hạnh, nếu dùng đức dụng để so sánh thì mỗi bậc đều có một khả năng. Câu thứ ba nói về người đọc tụng Đại thừa tức là hợp với phước thứ ba ở trên.

c. Nói về người tu hành sáu niệm, đó là Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả và niệm Thiên, ở đây cũng hợp chung với ý nghĩa Đại thừa của loại phước thứ ba. Nói Niệm Phật tức là chuyên Niệm Phật A-di-đà. Công đức của khẩu nghiệp, công đức của thân nghiệp, công đức của ý nghiệp, tất cả Chư Phật cũng giống như thế.

Lại, nhất tâm chuyên niệm pháp sở chứng của Chư Phật và các Bồ-tát tăng quyến thuộc. Lại niệm giới của Chư Phật và niệm về Chư Phật quá khứ, Bồ-tát hiện tại... làm được những việc khó làm, xả được những điều khó xả, nội xả, ngoại xả, trong ngoài đều xả, các vị Bồ-tát này, chỉ muốn niệm pháp, không tiếc thân mạng, các hành giả đã niệm biết việc này, tức là phải thường khát ngưỡng học hỏi các bậc tiên Hiền hậu Thánh về ý nghĩa xả bỏ thân mạng. Lại, niệm Thiên tức là các vị Bồ-tát Thập địa thân sau rốt. Các vị này các hạnh khó hành đã qua, đã vượt qua ba a-tăng-kỳ kiếp, đã thành tựu hạnh tu muôn đức trang nghiêm, đã chứng đắc địa vị Quán đảnh, các hành giả đã niệm biết như vậy rồi, tức là tự nhớ nghĩ, tự thân từ vô thủy đến nay, đồng phát nguyện đồng thời với người khác, dứt ác thực hành đạo Bồ-tát, đối với người đều không tiếc thân mạng, hành đạo tiến vị, nhân đã viên mãn, quả đã chín muồi và đã chứng được thánh vị, giống như hạt bụi nhỏ trên trái đất. Nhưng phàm phu chúng ta, cho đến hôm nay, đã luống lư lạc, phiền não nghiệp chướng ngày càng thêm nhiều. Còn phước tuệ thì lại nhỏ nhoi, như chiếc gương sáng bị nhiều lớp che mờ, bỗng nhiên suy nghĩ việc này, thì không kèm được lòng kính sợ đau thương mà than thở!

7. Từ hồi hướng phát nguyện v.v... trở xuống là mỗi người hồi tưởng công hạnh đã tu ở trên để hướng về cảnh giới sở cầu.

8. Từ có công đức này v.v... trở xuống là phần nói về thời gian tu hành nhanh hay chậm, trên thì phải hết một đời, dưới thì chỉ một ngày, một thời, hay chỉ trong một niệm... hoặc từ một niệm, mười niệm, đến

một thời, một ngày, một đời. Đại ý là sau khi phát tâm rồi, thể trọn đời này không bao giờ lui sụt, chỉ lấy Tịnh độ làm kỳ hạn.

Lại nói rằng có công đức này, tức là nói hoặc có người có đủ cả hai điều trên, hoặc có người tu đầy đủ cả hai điều dưới, hoặc có người tu đầy đủ cả ba loại, hoặc có người ba thứ không có phần nào hết, tuy gọi là người nhưng chẳng khác gì loài súc sinh, hoặc không phải người, lại không cần đủ cả ba hay không đủ cả ba, nếu hồi hướng cũng được vãng sinh, nên biết như vậy.

9. Từ khi sinh về cõi ấy v.v... trở xuống, cho đến vãng sinh về cõi ấy là nói khi sắp qua đời, các vị thánh đến đón rước khác nhau, lúc đi cũng có nhanh có chậm, đoạn này cũng có mười một ý:

- a. Quyết định cõi nước sẽ sinh về.
- b. Nhắc lại các hạnh, chỉ ra sự tinh tấn quyết định cũng so sánh công đức mạnh hoặc yếu.
- c. Nói về Đức Hóa Chủ Di-đà, đích thân Ngài đến tiếp dẫn.
- d. Nói từ ngài Quán Âm v.v... trở xuống, còn có vô số đại chúng đều theo Đức Di-đà đến để tiếp dẫn v.v...
- e. Nói tùy chúng ở trong cung báu.
- f. Nói ngài Quán Âm, Thế Chí cùng cầm đài vàng đến trước hành giả.
- g. Phật Di-đà phát ra ánh sáng chiếu vào thân hành giả.
- h. Phật phát ra ánh sáng chiếu đến thì liền cùng các hóa Phật đồng thời duỗi tay.
- i. Đã tiếp dẫn lên đài thì ngài Quán Âm và đại chúng đồng thanh khen ngợi, khuyến tấn tâm hành giả.
- j. Hành giả tự thấy mình ngồi trên đài đi theo sau Phật.
- k. Nói khi vãng sinh có nhanh, chậm.

10. Từ sinh về cõi nước ấy v.v... trở xuống, là nói khi đài vàng đã đến nước ấy rồi thì không còn bị chướng ngại bởi hoa không nở.

11. Từ thấy sắc thân Phật v.v... trở xuống cho đến Đà-la-ni môn là nói đài vàng đến nước ấy rồi thì được lợi ích cũng có khác nhau, có ba ý:

- a. Trước tiên được nghe pháp mâu, liền ngộ Vô sinh.
- b. Trong khoảnh khắc đã trải qua các việc, lần lượt thọ ký.
- c. Dầu ở bốn quốc hay phương xa nào cũng được hai thứ lợi ích: vãng và trì.

12. Từ ấy gọi là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

Kế là nói về ý nghĩa Thượng phẩm trung sinh.

Trước là nêu, kế giải thích, cuối cùng là tổng kết. Phần này có tám đoạn:

1. Từ người Thượng phẩm trung sinh v.v... trở xuống là nêu chung về tên giai vị, tức là phạm phu thiện của Đại thừa.

2. Từ không cần thọ trì v.v... trở xuống, cho đến sinh về nước kia là nói về môn thứ sáu, thứ bảy, thứ tám hồi hướng nguyện được vãng sinh Tây phương, có bốn ý:

a. Nói về thọ pháp bất định, hoặc được đọc tụng, không được đọc tụng.

b. Người khéo hiểu nghĩa Không của Đại thừa, hoặc đã nghe tất cả các pháp đều không sinh tử. Vô vi cũng không, phạm thánh, sáng tối cũng không. Sáu đường thế gian, xuất thế gian, Ba hiền, mười thánh v.v... nếu nhìn về thể tánh thì rốt ráo không hai, tuy nghe nói như thế, nhưng tâm thần nhiên, không sinh nghi ngờ chấp mắc.

c. Tin sâu hai thứ nhân quả khổ vui của thế gian, xuất thế gian. Đối với nhân quả này và các đạo lý cũng không sinh tâm nghi ngờ chê bai. Nếu sinh tâm nghi ngờ, phi báng thì phước hạnh sẽ không thành, quả báo thế gian còn không được, huống chi được sinh về Tịnh độ. Ở đây hợp với câu thứ hai, thứ ba của loại phước thứ ba.

d. Nhớ về nghiệp trước, nêu ra chỗ trở về.

3. Từ thực hành hạnh này v.v... trở xuống, cho đến đón rước hành giả: là nói Đức Di-đà và các Thánh chúng, tay cầm đài đến tiếp dẫn, có năm ý:

a. Nói tuổi thọ của hành giả kéo dài không lâu.

b. Nói về Đức Di-đà và các Thánh chúng đích thân đến.

c. Thị giả cầm đài đến trước hành giả.

d. Phật và các thánh chúng đồng thanh khen ngợi, nói lại sự nghiệp mà hành giả đã tu tập.

e. Phật sợ hành giả nghi ngờ, cho nên nói ta đến đón rước ông.

4. Từ cùng một ngàn vị hóa Phật v.v... trở xuống, cho đến trong ao bảy báu là nói các Thánh chúng trong môn thứ chín duỗi tay, khi vãng sinh mau chậm, có năm ý:

a. Nói Đức Di-đà và một ngàn vị hóa Phật đồng thời duỗi tay tiếp dẫn.

b. Khi hành giả được duỗi tay tiếp dẫn thì tự thấy thân mình ngồi trên đài sen vàng tím.

c. Khi đã tự thấy mình ngồi trên đài, liền chấp tay đánh lễ, khen ngợi Đức Di-đà và các Thánh chúng.

d. Lúc vãng sinh có nhanh chậm.

e. Khi đến cõi Cực lạc sẽ trụ trong ao báu.

5. Từ đài vàng tím này v.v... trở xuống là nói trong môn thứ mười, khi hành giả sinh về cõi ấy hoa sen nở ra. Thời gian khác nhau, do hạnh mạnh thì bậc thượng thượng liền được đài Kim cương. Nếu hạnh yếu thì bậc thượng trung liền được đài vàng tím, sinh trong ao báu, qua một đêm thì hoa nở.

6. Từ Phật và Bồ-tát đồng thời phát ra ánh sáng v.v... trở xuống, cho đến được không lui sụt là nói trong môn thứ mười một, sau khi hoa nở thì hành giả được ích lợi khác nhau, có năm ý:

a. Ánh sáng Phật chiếu vào thân hành giả.

b. Khi hành giả được ánh sáng chiếu vào thân thì mắt liền mở sáng.

c. Nói về sự tu tập của hành giả, khi đã đến thế giới Cực lạc rồi thì các âm thanh hiển bày, lại được nghe pháp.

d. Hành giả được khai nhãn và nghe pháp, liền bước xuống đài vàng, tự thân đến bên Phật, ca tụng khen ngợi công đức.

e. Trải qua bảy ngày, liền được Vô sinh. Nói bảy ngày là bảy ngày ở thế gian này, không phải chỉ cho bảy ngày ở thế giới Cực lạc. Bảy ngày ở thế gian này thì ở thế giới Cực lạc chỉ bằng một niệm, một chốc lát, nên biết như vậy.

7. Từ ngày lúc đó có khả năng bay đi đến khắp mười phương v.v... trở xuống, cho đến hiện tiền thọ ký là nói về được lợi ích ở thế giới Cực lạc, có năm ý:

a. Thân mình có thể bay đi khắp mười phương.

b. Mỗi ngày đi cúng dường Chư Phật.

c. Tu nhiều tam-muội.

d. Trải qua một thời gian sẽ đắc nhãn.

e. Hiện ra bên mỗi Đức Phật đều được thọ ký.

8. Từ đó gọi là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

Kế đến nói về Thượng phẩm hạ sinh.

Cũng trước là nêu, kế là giải thích và sau cùng là tổng kết. Có tám đoạn:

1. Từ bậc Thượng phẩm hạ sinh v.v... trở xuống là nêu chung tên giai vị, tức là kẻ phàm phu hạ thiện của Đại thừa.

2. Từ cũng tin nhân quả v.v... trở xuống, cho đến đạo tâm vô thượng là nói về sự thọ pháp khác nhau của hành giả trong môn thứ sáu. Có ba ý:

a. Nói về tin nhân quả là bất định, hoặc tin hoặc không tin, nên gọi là cũng, hoặc cũng tin sâu giống như trước. Lại, tuy tin nhưng chưa sâu sắc, tâm lành đã nhiều lần lui sụt, pháp ác thường dấy khởi, đó là lý do tin nhân quả, khổ vui chưa sâu. Nếu tin sâu sinh tử là khổ, thì tội nghiệp sẽ không bao giờ còn phạm.

Nếu tin sâu cái vui vô vi của Tịnh độ, hẳn phát tâm lành thì không bao giờ lui sụt.

b. Có lòng tin nhưng bị đứt quãng, đối với tất cả các pháp Đại thừa, không được nghi ngờ và chê bai, nếu hành giả còn khởi tâm nghi ngờ, chê bai, thì dầu có nhiều quanh ngàn thân Đức Phật, cũng không thể nào cứu nổi.

c. Các pháp lành trên đây dường như cũng không có công đức gì. Chỉ phát một niệm chán ghét khổ đau, ưa thích sinh về cảnh giới của Chư Phật, nhanh chóng thực hành đầy đủ hạnh nguyện đại bi của Bồ-tát, rồi trở lại trong sinh tử, độ khắp chúng sinh đó gọi là phát tâm Bồ-đề. Nghĩa này trong phần nói về phước thứ ba đã nói.

3. Từ đêm công đức này v.v... trở xuống là nói về hồi hướng chánh hạnh ở trước trong cửa thứ tám về chỗ cầu sinh.

4. Từ lúc hành giả sắp qua đời v.v... trở xuống, cho đến trong ao bảy báu là nói về môn thứ chín, khi hành giả qua đời Thánh chúng đều đến tiếp dẫn, sự vãng sinh cũng có nhanh chậm, có chín ý:

a. Nói về mạng sống không được lâu dài.

b. Nói Đức Di-đà và các thánh chúng cầm hoa vàng đến tiếp dẫn.

c. Nói hóa Phật đồng thời duỗi tay tiếp dẫn.

d. Thánh chúng đồng thanh khen ngợi.

e. Hành giả các tội tiêu diệt, nên nói là thanh tịnh. Kể lại hạnh tu hành trước đây của mình, nên gọi là phát đạo tâm vô thượng.

f. Nói hành giả tuy đã thấy được linh nghi, nhưng tâm còn nghi ngờ sợ không được vãng sinh, nên Thánh chúng đồng thanh bảo rằng: “Ta đến đón rước hành giả.”

g. Hành giả nghe Thánh chúng bảo như vậy, liền thấy thân mình ngồi trên hoa sen vàng, hoa liền khép lại.

h. Hành giả theo sau Phật, chỉ trong một niệm liền được vãng sinh.

i. Về đến cõi Cực lạc thì sẽ ở trong ao báu.

5. Từ một ngày một đêm v.v... trở xuống là nói về cửa thứ mười, khi được sinh về Cực lạc thì thời gian hoa nở có khác nhau.

6. Từ trong bảy ngày v.v... trở xuống, cho đến đều giảng nói pháp mầu là nói về cửa thứ mười một, sau khi hoa nở, hành giả được lợi ích cũng khác nhau.

7. Từ đến khắp mười phương v.v... trở xuống, cho đến trụ địa Hoan hỷ là nói lợi ích của các phương khác, cũng gọi là hậu ích.

8. Từ đó gọi là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

Có bài khen ngợi rằng:

*Bậc Thượng bói thượng hành thượng căn
Cầu sinh Tịnh độ dứt tham sân
Theo hạnh khác nhau chia ba phẩm
Năm môn nối nhau giúp ba nhân
Một ngày đến bảy chuyên tinh tấn
Khi chết ngồi đài ra sáu trần
Vui thay khó gặp nay được gặp
Mãi chứng thân pháp tánh vô vi.*

Trên đây có ba giai vị khác nhau, giải thích chung nghĩa của môn bậc thượng đã xong.

II. Y cứ vào thiện quán hạnh của bậc Trung, văn trước phân biệt chung.

Có mười một môn:

1. Nói chung về dạy bảo.
2. Xác định về giai vị.
3. Nêu chung các loài có duyên.
4. Xác định ba tâm để làm chánh nhân.
5. Nói về các căn cơ có khả năng kham nổi hay không.
6. Nói về việc thọ pháp khác nhau.
7. Nói về thời gian tu tập có dài ngắn khác nhau.
8. Hồi hướng hạnh đã tu, nguyện vãng sinh về cõi Phật A-di-đà.
9. Nói về lúc qua đời, các bậc Thánh đến đón rước cũng khác nhau, lúc vãng sinh cũng có nhanh chậm.
10. Hành giả được vãng sinh về thế giới Cực lạc, rồi hoa nở cũng có nhanh chậm khác nhau. Ở trên có mười một môn khác nhau, phân biệt rộng ba phẩm của bậc trung đã xong.

11. Nói sau khi hoa nở, được lợi ích có khác.

Kế là nói về địa vị Trung phẩm thượng sinh.

Cũng trước nêu, kế giải thích và sau là tổng kết, có tám đoạn:

1. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống là nói chung về dạy bảo.
2. Từ Trung phẩm thượng sinh là xác định về giai vị, tức là kể

phàm phu thượng thiện thuộc căn tánh Tiểu thừa.

3. Từ nếu có chúng sinh v.v... trở xuống, cho đến không có các lỗi lầm là nói về môn thứ năm, thứ sáu nghĩa là các chúng sinh ở đó thọ pháp khác nhau, có bốn ý:

a. Nói về các căn cơ có kham nổi hay không.

b. Nói về thọ trì trai giới Tiểu thừa.

c. Nói về công năng của giới Tiểu thừa rất nhỏ, không thể tiêu trừ được năm tội nghịch.

d. Nói tuy giữ giới Tiểu thừa, không được phá phạm, nếu có các lỗi khác, mà thường sửa đổi thì cũng được thanh tịnh. Ở đây cũng hợp với điều phước thiện của giới thứ hai ở trên, nhưng lúc tu giới, hoặc tu suốt đời, hoặc một năm, một tháng, một ngày, một đêm, một thời... thì thời gian đó cũng bất định, đại ý đều lấy suốt đời làm kỳ hạn, không được hủy phạm.

4. Từ hồi hướng gốc lành này v.v... trở xuống là nói trong môn thứ tám, hồi hướng hạnh đã tu của mình về chỗ cầu vãng sinh.

5. Từ khi sắp qua đời v.v... trở xuống, cho đến thế giới Cực lạc là nói trong môn thứ chín, tức là lúc qua đời, các thánh chúng đến đón rước khác nhau, sự vãng sinh cũng có nhanh chậm, có sáu ý:

a. Nói về mạng sống không được lâu dài.

b. Đức Di-đà và chúng Tỳ-kheo đến tiếp dẫn chứ không có Bồ-tát, do đó các căn tánh Tiểu thừa lại bao gồm chúng tiểu căn.

c. Phật phát ra ánh sáng vàng chiếu vào thân hành giả.

d. Đức Phật nói pháp cho nghe, lại khen ngợi sự xuất gia được xa lìa các sự khổ đau của thế tục và các nhân duyên thế tục, gia nghiệp, vua quan, đánh giặc, canh phòng nơi xa... nay người đã xuất gia, bốn chúng kính trọng, muôn việc không lo lắng, sống đời tự tại, đi hay ở đều không chướng ngại, nhờ đó mà được tu tập đạo nghiệp, cho nên được khen ngợi là đã xa lìa các sự đau khổ.

e. Nói hành giả khi được nghe thấy rồi, thì vui mừng khôn xiết tự thấy thân mình ngồi trên đài hoa, cúi đầu đánh lễ Đức Phật.

f. Hành giả cúi đầu đánh lễ ở cõi Ta-bà, khi ngẩng đầu lên thì đã ở cõi Cực lạc.

6. Từ hoa sen liền nở là nói về môn thứ mười, khi hành giả đã sinh về Cực lạc thì hoa nở có mau chậm khác nhau.

7. Từ ngay khi hoa nở v.v... trở xuống, cho đến tám giải thoát là nói về môn thứ mười một, khi hoa nở, rồi hành giả được lợi ích cũng khác nhau, có ba ý:

a. Nói hoa báu liền nở, đó là do giới hạnh của hành giả tinh tấn mạnh mẽ.

b. Nói về pháp âm đồng khen ngợi tính chất của bốn đế.

c. Hành giả vãng sinh về Cực lạc được nghe nói pháp bốn đế, tức sẽ chứng được quả vị A-la-hán.

Nói La-hán, Hán dịch là vô sinh, cũng dịch là vô trước, vì nhân đã mất cho nên Vô sinh và quả đã tan cho nên Vô trước.

Nói ba minh tức là Túc mạng minh, Thiên nhãn minh và Lộ tận minh.

Nói tám giải thoát gồm: Một là nội hữu sắc ngoại, quán sắc giải thoát; hai là nội vô sắc, ngoại quán sắc giải thoát; ba là bất tịnh tướng giải thoát; Bốn không và Diệt tận, cộng chung là tám giải thoát.

8. Từ đó gọi là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

Kế là nói về giai vị Trung phẩm trung sinh: Trước là nêu, kế là giải thích, cuối cùng là tổng kết, có bảy đoạn:

1. Từ Trung phẩm trung sinh là nêu chung về tên của hạnh, để xác định giai vị, tức là hàng kẻ phụ hạ thiện của Tiểu thừa.

2. Từ nếu có chúng sinh v.v... trở xuống, cho đến uy nghi không thiếu là nói về môn thứ năm, sáu, bảy giải thích căn cơ, thời phần, thọ pháp... khác nhau, có ba ý:

a. Nói về thọ trì giới bát quan trai.

b. Nói về thọ trì giới Sa-di.

c. Nói về thọ trì giới Cụ túc.

Ba phẩm giới này đều đồng một ngày một đêm, thanh tịnh không phạm, dù cho tội nhẹ, nếu có phạm cũng xem như phạm tội nặng, oai nghi của ba nghiệp không để sai phạm, đây là hợp với phước thứ hai ở trên.

3. Từ đem công đức v.v... trở xuống là hồi hướng hạnh mình đã tu tập về nơi cầu sinh.

4. Từ giới hương huân tu v.v... trở xuống, cho đến trong ao bảy báu là nói về môn thứ chín. Khi hành giả qua đời, có các vị Thánh đến đón rước, sự vãng sinh có nhanh chậm, gồm tám phần:

a. Nói về tuổi thọ không lâu dài.

b. Đức Di-đà và các Tỳ-kheo đến tiếp dẫn.

c. Phật phát ra ánh sáng, chiếu vào thân hành giả.

d. Nói các Tỳ-kheo bưng đài hoa đến trước mặt.

e. Hành giả tự thấy nghe trên hư không có những âm thanh khen ngợi.

f. Phật khen rằng: “Người tin sâu lời Phật, thuận theo không nghi ngờ, cho nên Như lai đến đón rước người.”

g. Đã được Phật khen ngợi, liền tự thấy mình ngồi trên tòa hoa, ngồi xong hoa tự khép lại.

h. Khi hoa khép lại rồi, liền sinh về ao báu ở Tây phương.

5. Từ trải qua bảy ngày v.v... trở xuống là nói môn thứ mười, khi hành giả đã sinh về Tây phương thì thời gian hoa nở khác nhau.

6. Từ hoa đã nở v.v... trở xuống, cho đến thành La-hán là nói về môn thứ mười một, khi hoa nở, rồi được lợi ích khác nhau, có bốn ý:

a. Hoa nở liền được thấy Phật.

b. Thấy Phật liền chấp tay khen ngợi Phật.

c. Nghe pháp và chứng được Sơ quả.

d. Trải qua nửa kiếp mới thành A-la-hán.

7. Từ đó gọi là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

Kế là giải thích về địa vị Trung phẩm hạ sinh, cũng trước là nêu, kế là giải thích, cuối cùng là tổng kết.

Có bảy đoạn:

1. Từ Trung phẩm hạ sinh v.v... trở xuống là nêu chung tên của hạnh, xác định giai vị, tức là kẻ phạm phu phước đức bậc Thượng của thiện thế gian.

2. Từ nếu có người thiện nam v.v... trở xuống, cho đến thực hành hạnh nhân từ thế gian là nói về môn thứ năm, thứ sáu, giải thích căn cơ trao pháp khác nhau, có bốn ý là:

a. Nói về căn cơ.

b. Nói về hiếu thảo nuôi dưỡng cha mẹ, hòa thuận với bà con quyến thuộc, hợp với câu thứ nhất, thứ hai trong phước đầu tiên ở trên.

c. Nói người này có tính, tình mềm mỏng hiền thiện, không phân biệt mình người, nếu thấy chúng sinh bị đau khổ thì khởi tâm Từ bi kính trọng.

d. Người ở phẩm này là hạng người chưa bao giờ thấy nghe được Phật pháp và cũng không hiểu về sự mong cầu, nhưng tự thực hành hiếu thảo dưỡng nuôi, nên biết như thế.

3. Từ khi người này sắp qua đời v.v... trở xuống, cho đến bốn mươi tám nguyện nói về môn thứ tám, thời gian nhân duyên gặp được Phật pháp khi hành giả sắp qua đời.

4. Từ nghe việc này rồi v.v... trở xuống, cho đến thế giới Cực lạc là nói về môn thứ chín, những người được vãng sinh cũng có nhanh chậm.

5. Từ khi đã vãng sinh bảy ngày là nói về môn thứ mười, khi hành giả sinh về đó thì hoa có nở, không nở khác nhau.

6. Từ gặp Bồ-tát Quán Thế Âm v.v... trở xuống, cho đến thành La-hán là nói về môn thứ mười một, khi hoa nở rồi được lợi ích khác nhau, có ba ý:

a. Trải qua một thời gian thì sẽ được gặp Bồ-tát Quán Âm và Đại Thế Chí.

b. Khi đã gặp được hai vị thánh này thì sẽ được nghe pháp mầu.

c. Sau khi trải qua một tiểu kiếp, mới được ngộ quả A-la-hán.

7. Từ đó gọi là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

Có bài tán rằng:

*Người trung bối, trung hạnh, trung căn
 Một ngày trai giới ngồi sen vàng
 Hiếu thảo cha mẹ dạy hồi hướng
 Nói nhân vui sướng ở Tây phương
 Phật và Thanh văn chúng đến rước
 Đến thẳng bên tòa hoa Di-đà
 Hoa trăm báu trải qua bảy ngày
 Ba phẩm hoa sen chứng Tiểu chân.*

Trên đây có ba giai vị khác nhau, giải thích chung nghĩa của môn bậc trung đã xong.

III. Y cứ vào bậc hạ quán hai hạnh thiện ác, vẫn trước có giải thích.

Gồm mười một môn:

1. Nói chung về răn dạy.

2. Xác định giai vị.

3. Nêu chung các loài chúng sinh hữu duyên được vãng sinh.

4. Xác định ba tâm để làm chánh nhân.

5. Phân biệt các căn cơ có khả năng kham nổi hay không.

6. Nói về sự chịu khổ hay được vui khác nhau.

7. Nói thời gian tu hành có dài ngắn khác nhau.

8. Hồi hướng công đức tu hành về chỗ cầu sinh.

9. Nói lúc qua đời, các vị Thánh đến đón rước có sự khác nhau, lúc vãng sinh cũng có mau chậm.

10. Khi vãng sinh rồi thì hoa nở nhanh chậm khác nhau.

11. Khi hoa nở, hành giả được lợi ích khác nhau.

Kế là nói về giai vị Hạ phẩm thượng sinh: Trước là nêu, kế là giải thích, cuối cùng là tổng kết, có chín phần:

1. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống là nói về những lời khuyên bảo.

2. Từ Hạ phẩm thượng sinh là xác định giai vị, tức là kẻ phàm phu gây ra tội nhẹ về mười điều ác.

3. Từ nếu có chúng sinh v.v... trở xuống, cho đến không có tâm hổ thẹn là nói về môn thứ năm, nói về các căn cơ, trong một đời gây ra các tội ác cả nhẹ lẫn nặng, có năm ý:

a. Nêu chung các căn cơ gây ra tội ác.

b. Gây ra các điều ác.

c. Tuy đã gây nhiều tội lỗi, nhưng đối với pháp Đại thừa không sinh tâm chê bai, chê bai.

d. Nhắc lại người gây ra tội ác chẳng phải người có trí.

e. Những người ngu si đó tuy gây ra nhiều tội ác, mà không bao giờ sinh tâm hổ thẹn.

4. Từ khi sắp qua đời v.v... trở xuống, cho đến tội sinh tử là nói người gây ra tội ác đến khi sắp qua đời lại gặp thiện tri thức và được nghe nói pháp, có sáu ý:

a. Nói về mạng sống không lâu dài.

b. Chợt gặp được thiện tri thức dạy phương pháp vãng sinh.

c. Các thiện tri thức vì mình mà khen ngợi các kinh điển.

d. Người đó nhờ năng lực nghe kinh mà tiêu trừ được tội lỗi trong một ngàn kiếp.

e. Thiện tri thức dạy xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà.

f. Nhờ xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà mà trừ được tội lỗi trong năm trăm muôn kiếp.

Hỏi: Vì sao nghe mười hai bộ kinh mà chỉ trừ được tội trong một ngàn kiếp, trong khi xưng niệm một câu danh hiệu Phật A-di-đà, mà trừ được tội lỗi trong năm trăm muôn kiếp ý ấy thế nào?

Đáp: Người gây ra tội ác là nghiệp chướng nặng, vì thế mà đến lúc chết các khổ cùng nhau đến bức ngặt, thiện tri thức tuy nói nhiều kinh, nhưng tâm người lúc sắp chết đó lãnh thọ không được bao nhiêu, tâm lại phân tán, do tâm phân tán đó mà tội lỗi được tiêu trừ rất ít. Danh hiệu Phật chỉ có một nhưng thu nhiếp tán tâm khiến tâm an trụ, lại dạy khiến chánh niệm xưng danh, do tâm định nên có công năng tiêu trừ tội lỗi trong nhiều kiếp.

5. Từ bấy giờ Đức Phật kia v.v... trở xuống, cho đến sinh trong ao báu là nói về môn thứ chín, lúc qua đời có các hóa chúng đến đón rước, sự vãng sinh có nhanh chậm, gồm sáu ý:

- a. Khi hành giả đang xưng danh thì Phật A-di-đà liền sai các hóa chúng ứng theo âm thanh Niệm Phật mà đến hiện ra trước mặt.
 - b. Hóa chúng, đã hiện thân liền cùng nhau khen ngợi hành giả.
 - c. Hành giả được nghe hóa chúng khen ngợi và nói cho nghe công đức xưng danh hiệu Phật, ta đến đón rước người, bất luận việc nghe kinh, nhưng hợp với ý nguyện của Phật, chỉ khuyên chánh niệm xưng danh, thì nghĩa vãng sinh mau chóng, không đồng với nghĩa tạp tán. Như kinh này và trong các bộ chỗ nào cũng khen ngợi rộng, khắp khuyến khích xưng danh, sẽ được lợi ích, phải nên biết.
 - d. Hành giả được hóa chúng dạy bảo, rồi liền thấy ánh sáng chiếu khắp cả căn phòng.
 - e. Khi Hành giả được ánh sáng chiếu, soi rồi thì báo thân liền kết thúc.
 - f. Lúc đó hành giả sẽ nương theo sau Phật, rồi sinh trong ao báu.
6. Từ trải qua bốn mươi chín ngày v.v... trở xuống là nói về môn thứ mười, khi hành giả đã sinh về Cực lạc thì hoa kia nở nhanh chậm khác nhau.
7. Từ ngay khi hoa nở v.v... trở xuống, cho đến được nhập Sơ địa là nói về môn thứ mười một, khi hoa nở rồi, thì hành giả được lợi ích khác nhau, có năm ý:
- a. Ngài Quán Âm... trước là phát ra ánh sáng.
 - b. Ngài Quán Âm đích thân đến bên cạnh hoa báu hành giả.
 - c. Nói cho nghe giáo pháp mà hành giả đã được nghe từ đời trước.
 - d. Hành giả nghe xong, nhận hiểu mà phát tâm.
 - e. Trải qua nhiều kiếp mới chứng được địa vị Bách pháp.
8. Từ ấy gọi là v.v... trở xuống là phần tổng kết.
9. Từ được nghe danh hiệu Phật v.v... trở xuống là nêu lại lợi ích của hành giả, chẳng những chỉ Niệm Phật được vãng sinh, mà niệm Pháp niệm Tăng cũng được vãng sinh.
- Kế là nói về giai vị Hạ phẩm trung sinh: Trước là nêu, kế là giải thích, sau là tổng kết, có bảy đoạn:
1. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống là nói chung về sự khuyên bảo.
 2. Từ Hạ phẩm trung sinh là xác định giai vị, tức là nói về kẻ phàm phu phá giới gây tội.
 3. Từ nếu có chúng sinh v.v... trở xuống, cho đến đáng đọa vào địa ngục là nói về môn thứ năm, thứ sáu, giải thích các căn cơ tạo nghiệp,

gồm có bảy phần:

- a. Nêu chung các căn cơ gây ra nghiệp ác.
- b. Nói về phạm nhiều các giới.
- c. Nói về trộm cắp vật của tăng.
- d. Nói về tà mạng nói pháp.
- e. Nói chung về những người không có tâm hổ thẹn.

f. Lại gây ra các tội khác, trong tâm đã nghĩ ác, thì thân và miệng bên ngoài cũng hành ác nói ác, tự mình đã không hành thiện, mà thấy người khác hành thiện lại sinh tâm ganh ghét, do đó mà gọi là các tâm ác tự trang nghiêm.

g. Nói nếu xét về tội trạng, thì chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục.

4. Từ khi sắp qua đời v.v... trở xuống, cho đến liền được vãng sinh là nói về môn thứ chín, khi qua đời gặp thiện ác đến đón rước, tức có chín ý:

- a. Người tội mạng sống không còn lâu.
- b. Lửa địa ngục hiện ra.
- c. Khi lửa địa ngục hiện, thì gặp thiện tri thức.
- d. thiện tri thức nói cho nghe công đức của Phật A-di-đà.
- e. Người tội nghe danh hiệu Phật A-di-đà, thì sẽ dứt trừ được tội

lỗi trong nhiều kiếp.

- f. Tội lỗi đã tiêu trừ thì lửa biến thành gió mát.
- g. Hoa trời theo gió tự nhiên bay xuống la liệt trước mắt.
- h. Hóa chúng đến đón rước.
- i. Lúc vãng sinh có nhanh chậm khác nhau.

5. Từ trong ao bảy báu v.v... trở xuống, cho đến sáu kiếp là nói về môn thứ mười, hành giả sinh về Cực lạc, thời gian hoa nở khác nhau.

6. Từ hoa sen nở ra v.v... trở xuống, cho đến phát đạo tâm vô thượng là nói về môn thứ mười một, khi hoa nở, rồi hành giả được lợi ích khác nhau, có ba ý:

- a. Khi hoa nở rồi thì Bồ-tát Quán Âm... đều dùng Phạm âm an ủi.
- b. Giảng nói cho nghe các kinh nhiệm mầu sâu xa.
- c. Hành giả hiểu rõ và phát tâm.

7. Từ đó gọi là v.v... trở xuống là phần tổng kết.

Kế là nói về giai vị Hạ phẩm hạ sinh: Trước là nêu, kế là giải thích, cuối cùng là tổng kết, có bảy đoạn:

1. Từ Phật bảo A-nan là nói chung về dạy bảo.

2. Từ Hạ phẩm hạ sinh là xác định giai vị, tức là kể phạm phu gây ra các trọng tội như năm tội nghịch...

3. Từ nếu có chúng sinh v.v... trở xuống, cho đến chịu khổ vô cùng là nói về môn thứ năm, thứ sáu, phân biệt các căn cơ gây ra tội ác, có nhẹ hoặc nặng khác nhau, có bảy ý:

- a. Căn cơ gây ra tội ác.
- b. Nêu chung các danh từ bất thiện.
- c. Phân biệt tội nặng nhẹ.
- d. Tổng kết các điều ác, chẳng phải nghiệp của người có trí tuệ.
- e. Gây ra nghiệp ác quá nhiều, tội chẳng phải nhẹ.

f. Nếu không phải nghiệp thì chẳng chịu quả báo, không phải nhân thì chẳng chịu kết quả, nhân và nghiệp đã không phải là vui, thì quả báo làm sao không khổ được ư?

g. Nhân gây ra nghiệp ác đã đầy đủ, thì kiếp này trả quả báo cũng chưa cùng.

Hỏi: Như trong bốn mươi tám lời nguyện chỉ trừ năm tội nghịch, chê bai chánh pháp là không được vãng sinh, vì sao nay trong Quán kinh trong phần Hạ phẩm hạ sinh nói người chê bai giáo pháp và người gây ra năm tội nghịch đều được nhiếp hóa, đó là ý thế nào?

Đáp: Nghĩa này giải thích theo chỉ môn. Như trong bốn mươi tám lời nguyện trừ những người chê bai chánh pháp và gây ra năm tội nghịch, bởi hai nghiệp này là tội chướng cực nặng, nếu chúng sinh nào đã gây ra, thì sẽ đọa ngay vào địa ngục A-tỳ, trải qua nhiều kiếp, cũng không thế nào thoát khỏi, nhưng Đức Như lai sợ mọi người gây ra hai nghiệp này nên phương tiện nói không được vãng sinh, nhưng chẳng phải không nhiếp thọ. Lại trong giai vị Hạ phẩm hạ sinh, nói phạm năm tội nghịch được vãng sinh, trừ người chê bai chánh pháp. Đã gây năm tội nghịch thì không thể bỏ khiến lưu chuyển, lại phát tâm đại Bi, nhiếp thủ vãng sinh. Nhưng tội chê bai chánh pháp chưa gây ra, chỉ nói mà chưa hành động, nếu khởi hành động chê bai thì sẽ không được vãng sinh, đây là giải thích theo người chưa tạo nghiệp. Nếu đã gây rồi mà lại được vãng sinh thì tuy được vãng sinh, nhưng hoa sẽ khép mãi, trải qua nhiều kiếp, các người tội lúc đó ở trong hoa cũng có ba thứ chướng:

- a. Không được thấy Phật và các Thánh chúng.
 - b. Không được nghe chánh pháp.
 - c. Không được thờ phụng cúng dường.
- Ngoài ba điều này ra, thì không có các điều khổ khác.

Kinh chép: “Khi ở trong hoa sen vui thú như Tỳ-kheo đang nhập Tam thiên, nên biết tuy ở trong hoa nhiều kiếp không nở, nhưng cũng còn hơn ở trong địa ngục A-tỳ nhiều đời nhiều kiếp chịu các sự đau

khổ.”

4. Từ người ngu như thế v.v... trở xuống, cho đến tội sinh tử là người nghe pháp Niệm Phật được lợi ích, có mười phần:

- a. Nhắc lại người gây ra nghiệp ác.
- b. Nói về mạng sống không được lâu dài.
- c. Khi sắp qua đời được gặp thiện tri thức.
- d. Thiện tri thức an ủi, khuyên dạy Niệm Phật.
- e. Khi người tội chết các khổ đến ép ngặt, không thể nào niệm danh hiệu Phật được.

f. Bạn lành biết khổ thất niệm, chuyển sang dạy miệng xưng danh hiệu Di-đà.

g. Niệm số câu nhiều ít, các câu đều không đứt quãng.

h. Niệm Phật trừ diệt tội lỗi trong nhiều kiếp.

i. Lúc qua đời chánh niệm sẽ có hoa sen vàng đến rước.

j. Lúc vãng sinh có sự nhanh chậm, thẳng đến cõi nước Cực lạc.

5. Từ ở trong hoa sen đủ mười hai kiếp v.v... trở xuống là nói về môn thứ mười, khi đến Cực lạc thì hoa nở có nhanh chậm khác nhau.

6. Từ Quán Âm, Thế Chí v.v... trở xuống, cho đến phát tâm Bồ-đề là nói về môn thứ mười một, khi hoa nở rồi được lợi ích cũng có khác nhau, có ba ý:

a. Hai vị Đại thánh nói giáo pháp sâu xa nhiệm mầu cho mình nghe.

b. Người ấy rất vui mừng vì tội đã được dứt trừ.

c. Sau đó người ấy phát tâm rộng lớn.

7. Từ đó gọi là phần tổng kết.

Có bài tán rằng:

*Hàng hạ bối, hạ hành, hạ căn
Tham sân mười ác năm nghịch thủy
Bốn trọng, trộm của Tăng, chê Pháp
Không hề hổ thẹn hối lỗi trước
Khi chết tướng khổ như mây nhóm
Lửa dữ địa ngục hiện trước mặt
Bỗng gặp thiện tri thức dạy bảo
Khuyên mau chuyên xưng danh Phật kia
Hóa Phật, Bồ-tát liền hiện đến
Một niệm chuyên tâm vào sen báu
Ba hoa chướng nặng nhiều kiếp nở
Bấy giờ mới phát nhân Bồ-đề.*

Trên đây có ba giai vị khác nhau, giải thích chung nghĩa của bậc hạ. Trước nói mười ba pháp quán để làm định thiện, tức là Vy-đê-hy thừa hỏi và Đức Như lai trả lời; sau đó nói về ba thứ phước và chín phẩm gọi là tán thiện, do Đức Phật tự nói. Tuy có hai môn định và tán khác nhau nhưng đều giải thích chung phần Chánh tông.

IV. Trong phần được lợi ích.

Trước là nêu, kế giải thích, có bảy phần.

1. Nói lời ấy là nhắc chung lại văn trên, sinh ra tướng được lợi ích ở sau.

2. Từ Vy-đê-hy v.v... trở xuống là nói về người có khả năng nghe pháp.

3. Từ bấy giờ liền thấy cõi Cực lạc v.v... trở xuống là nói về phu nhân... ở trong đài ánh sáng thấy được thế giới Cực lạc.

4. Từ thấy được thân Phật và hai vị Bồ-tát v.v... trở xuống là nói về phu nhân ở pháp quán thứ bảy, ban đầu khi thấy Phật Vô Lượng Thọ thì đã được Vô sinh.

5. Từ các thị nữ v.v... trở xuống là mọi người nhìn thấy cảnh tượng đẹp đẽ, đều phát tâm vô thượng cầu vãng sinh Tịnh độ.

6. Từ Thế tôn đều thọ ký v.v... trở xuống là các thị nữ được Đức Thế tôn thọ ký, đều được vãng sinh về Tịnh độ, tức hiện tiền đã được tam-muội.

7. Từ Vô lượng các vị trời v.v... trở xuống là trong phần chán ghét nhân duyên khổ đau ở trước, trời Đế-thích, Phạm vương, các vị trời hộ trì thế gian... theo Đức Phật vào trong cung vua ở trên hư không nghe pháp, hoặc thấy được ánh sáng của Đức Thích-ca đang chuyển biến, hoặc thấy linh nghi sắc vàng của ngài Di-đà, hoặc nghe những điều kỳ lạ vãng sinh của chín phẩm, hoặc nghe định thiện lẫn tán thiện đều được nhiếp thọ, hoặc nghe người thực hành thiện ác đều được sinh về, hoặc nghe Tịnh độ Tây phương là ở trước mắt chứ không phải ở đâu xa, hoặc nghe một đời chuyên tinh quyết chí, xa lìa hẳn sinh tử. Các vị trời đó đã được nghe Đức Như lai nói rộng về những điều lợi ích chưa hề có. Mỗi vị đều phát tâm vô thượng. Vì Đức Phật là bậc Thánh cao nhất trong các bậc Thánh. Nói ra lời gì đều thành kinh điển, phạm phu hay bất kỳ loài nào nếu mong cầu học tập thì chắc chắn sẽ được lợi ích.

V. Phần lưu thông.

Trong phần này có hai:

1. Nói lưu thông trong cung vua.

2. Nói lưu thông ở núi Kỳ-xà-quật.

Trước nói về lưu thông trong cung vua, có bảy đoạn:

a. Từ bấy giờ A-nan v.v... trở xuống là nói về nguyên do thưa hỏi.

b. Từ Phật bảo A-nan v.v... trở xuống là Đức Như lai nêu cả Y báo và Chánh báo để lập tên kinh, lại y vào kinh để khởi hạnh, mây ba chương tự quỵện bay đi, đáp câu hỏi đầu tiên vì sao kinh này có tên như thế?

c. Từ ông nên thọ trì v.v... trở xuống là Đức Phật đáp câu hỏi ở trước và sau là thọ trì như thế nào?

d. Từ thực hành tam-muội này v.v... trở xuống, cho đến hướng chi nhớ nghĩ là so sánh nói lên sự cao quý, khuyến khích mọi người vâng hành, có bốn ý:

Nêu chung về định thiện, để lập tên gọi tam-muội.

Y theo pháp quán mà tu hành, sẽ thấy được lợi ích của ba thân.

Nêu lại các căn cơ có khả năng thực hành giáo pháp.

So sánh nói lên sự cao quý, chỉ cần nghe được danh hiệu ba thân, thì sẽ dứt trừ được tội chướng trong nhiều kiếp, hưởng chi chánh niệm quy y, mà không chứng ngộ ư?

4. Từ nếu người Niệm Phật v.v... trở xuống cho đến sinh vào nhà Chư Phật là nói về công năng siêu tuyệt của tam-muội Niệm Phật, tâm thiện chẳng thể sánh được, có năm ý:

a. Nói về chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà.

b. Khen ngợi người năng Niệm Phật.

c. Người nào Niệm Phật nối nhau, thì người đó thật ít có, cũng không biết lấy gì để so sánh ví dụ, do đó mà phải dùng hoa Phân-đà-lợi để làm ví dụ. Nói phân-đà-lợi, là một loại hoa quý nhất trong loài người, cũng gọi là loài hoa ít có, cũng gọi là loại hoa thượng thượng trong loài người, cũng gọi là hoa nhiệm mầu trong loài người. Tương truyền hoa này gọi là Thái hoa, cho nên người Niệm Phật, tức là người tốt trong loài người, là người cao quý trong loài người, là bậc Thượng thượng trong loài người, là người ít có trong loài người, là người trên hết trong loài người.

Người chuyên niệm danh hiệu Phật Di-đà, sẽ được Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí thường theo ủng hộ, cũng như bạn thân tri thức.

d. Đời này đã được lợi ích như thế, sau khi qua đời sẽ được gá sinh vào nhà của Chư Phật, tức là sẽ vãng sinh về Tịnh độ. Khi đã được vãng sinh Tịnh độ thì lúc nào cũng nghe pháp, lúc nào cũng cúng dường, nhân viên quả mãn, ngôi đạo tràng đâu có xa?

e. Từ Phật bảo A-nan ông hãy thọ trì lời này v.v... trở xuống: Đức Thích-ca phó chúc danh hiệu Đức Phật A-di-đà, lưu thông đến nhiều đời sau. Từ trên đến đây nói về ích lợi của Định thiện và Tán thiện, đối với bản nguyện của Phật, thường hướng về chúng sinh, khuyến khích chúng sinh xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà.

f. Từ khi Phật nói kinh này v.v... trở xuống là nói về năng thỉnh, năng truyền... nghe những điều chưa nghe, thấy những điều chưa thấy, nay như uống được nước cam lồ, tâm vui sướng vô cùng.

Sau đây y cứ vào hội Kỳ-xà-quật có ba ý:

1. Từ bấy giờ Đức Thế tôn v.v... trở xuống là phần tựa, nói về Kỳ-xà-quật.

2. Từ bấy giờ A-nan v.v... trở xuống là phần chánh tông, nói về Kỳ-xà-quật.

3. Từ vô lượng các vị trời v.v... trở xuống là phần lưu thông ở Kỳ-xà-quật.

Giải thích chung về văn nghĩa của Quán kinh: có năm ý

1. Ban đầu, từ tôi nghe như vậy v.v... trở xuống, cho đến làm sao thấy được thế giới Cực lạc là phần tựa.

2. Từ quán mặt trời v.v... trở xuống, cho đến Hạ phẩm hạ sinh là phần Chánh tông.

3. Từ lời nói ấy v.v... trở xuống, cho đến các vị trời phát tâm là nói về được lợi ích.

4. Từ bấy giờ A-nan v.v... trở xuống, cho đến Vy-đề-hy... vui mừng là nói về lưu thông trong cung vua.

5. Từ bấy giờ Đức Thế tôn v.v... trở xuống, cho đến làm lễ rồi lui ra là phần nói chung ở núi Kỳ-xà-quật.

Trộm nghĩ Chân tông khó gặp, Tịnh độ khó thấy, muốn cho năm đường đều được vãng sinh, cho nên khuyên chúng sinh đời sau phải nghe, vẫn biết thần lực của Như lai chuyển trùm khắp cả mười phương. Ấn hiện tùy căn cơ vào hóa độ tận cung sâu của vua. Lúc đó, Thánh chúng ở tại Kỳ-xà-quật, các người tiểu trí lại nghi ngờ. Sau đó, Đức Phật trở về, lúc đó ngài A-nan nói lại cho đại chúng rằng nghe sự giáo hóa của Phật trong cung vua, về định môn tán môn. Các chúng khác nhân đó đều được nghe, chẳng ai không kính trong vãng hành.

Kính bạch tất cả các bậc tri thức hữu duyên, tôi cũng là một kẻ phàm phu sinh tử, trí tuệ cạn cợt, nhưng lời dạy của Đức Phật thì quá sâu xa tôi không dám giải thích theo ý mình, nên phải nêu tâm kết nguyện, thỉnh cầu linh nghiệm mới có thể tạo tâm. Nam-mô quy mạng tận hư

không biến pháp giới nhất thiết Tam bảo, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Đức Phật A-di-đà, ngài Quán Âm, Thế Chí, toàn thể đại hải chúng Bồ-tát và tất cả các tướng trang nghiêm, nay tôi... muốn nói về yếu nghĩa của “Quán kinh”, cũng vâng theo quy định xưa nay, nay muốn xưng niệm Chư Phật ba đời, Đức Phật Thích-ca, Đức Phật A-di-đà, cùng các thánh hiền mở lòng đại Từ bi, nguyện trong lúc nằm mộng được thấy, các hình tướng của tất cả cảnh giới như sở nguyện ở trên.

Đối trước tượng Phật phát nguyện như thế xong, trong ngày đó tụng kinh Di-đà ba biến, niệm danh hiệu Phật A-di-đà ba muôn câu, dốc lòng phát nguyện, thì ngay trong đêm đó tôi thấy cảnh giới Tây phương hiện lên trong hư không, các tướng cảnh giới như trên đều hiển hiện. Núi báu nhiều màu, trăm lớp, ngàn lớp, các thứ ánh sáng chiếu xuống mặt đất, đất như màu vàng ròng, trong đó có Chư Phật và các vị Bồ-tát, hoặc ngồi hoặc đứng, hoặc nói, hoặc yên lặng, hoặc cử động thân thể, hoặc đứng bất động, thấy tướng đó, rồi bèn chấp tay đứng nhìn, hồi lâu tỉnh dậy. Tỉnh dậy rồi tôi vui mừng khôn xiết. Từ đó về sau, mỗi đêm nằm mộng đều thấy một vị Tăng đến để chỉ bày các nghĩa lý sâu xa của văn kinh, khi đã hiểu rồi thì không còn thấy nữa.

Về sau, lại dốc lòng đặt ra kỳ hạn bảy ngày, mỗi ngày tụng kinh Di-đà mười biến, niệm danh hiệu Phật A-di-đà ba muôn câu, đầu hôm gần sáng đều quán tưởng các tướng trang nghiêm của cảnh giới Cực lạc, thành tâm quy mạng đều như pháp trên. Ngay đêm đó liền thấy ba bánh xe vững chắc, di chuyển bên đường, chợt thấy một người cỡi con lạc đà đi đến trước mặt tôi khuyên rằng: “Sư đang cố gắng chắc chắn vãng sinh, chớ sinh tâm lui sụt, ở thế giới Ta-bà này là vẫn đực, lại còn nhiều điều khổ ép ngặt, không nên tham cầu.”

Đáp: Rất mừng Hiền giả đã có tâm tốt chỉ vẽ và dạy bảo. Sau khi tôi bỏ thân mạng này, không dám sinh tâm lười biếng... Đến đêm thứ hai, lại thấy Phật A-di-đà thân màu vàng ròng đang ngồi trên tòa hoa sen dưới cây bảy báu, có mười vị tăng vây quanh và mỗi vị cũng ngồi dưới cây báu, trên cây đại thọ của Đức Phật lại có y trời che quanh, ngài ngồi hướng mặt về phía Tây, chấp tay tọa quán.

Vào đêm thứ ba, thấy hai cái cột lớn, rất cao, trên cột có treo năm màu, đường đi ngang dọc, người nhìn không bị chướng ngại. Khi nhìn thấy tướng trang nghiêm như thế xong, thì liền dừng nghĩ, không đến bảy ngày.

Tất cả các tướng linh nghiệm trên đây, bản tâm là vì chúng sinh chứ không phải vì thân mình. Đã thấy được tướng đó cũng không dám

che giấu, cẩn thận giữ gìn nghĩa sau, giúp cho người đời sau được nghe, nguyện cho họ đều phát sinh lòng tin, ai có trí thức thấy được điều đó thì phát nguyện vãng sinh Tây phương, nguyện hồi hướng công đức này cho chúng sinh, nguyện chúng sinh phát tâm Bồ-đề, từ tâm đối với nhau, nhìn nhau bằng mắt Phật, làm quyến thuộc với Bồ-đề làm thiện tri thức chân thật, cùng quy về Tịnh độ, đều thành Phật đạo, nghĩa này đã thính Chư Phật chứng định xong. Một câu, một chữ, không thể thêm bớt.

Những lời này đúng như kinh pháp, nên biết như thế.

